

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
TỪ NGÀY 01 THÁNG 07 NĂM 2016
ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 09 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN
MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 09 năm 2016	2 - 5
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016	6
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016	7 - 8
4. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày 01 tháng 07 năm 2016 đến ngày 30 tháng 09 năm 2016	9 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (30/09/2016)	Số đầu năm (01/07/2016)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.061.308.811.126	1.101.425.586.818
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	140.641.337.722	44.371.716.087
1. Tiền	111		118.473.092.722	31.828.382.787
2. Các khoản tương đương tiền	112		22.168.245.000	12.543.333.300
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.084.333.333	3.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	V.3	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		3.084.333.333	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		542.004.908.155	342.294.517.131
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		31.700.179.639	130.541.241.046
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		289.943.587.160	142.930.606.127
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		50.453.902	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		66.179.352.412	56.451.095.570
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	170.866.259.747	29.291.340.093
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(16.734.924.705)	(16.919.765.705)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		359.218.008.446	708.243.599.122
1. Hàng tồn kho	141	V.5	361.982.389.256	711.007.979.932
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.6	(2.764.380.810)	(2.764.380.810)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.360.223.470	3.515.754.478
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	15.390.001.791	1.380.858.350
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.8	967.011.679	2.134.896.128
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.9	3.210.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (30/06/2016)	Số đầu năm (01/07/2015)
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.606.168.326.728	1.603.075.277.270
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.434.768.236	5.342.339.237
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		4.092.401.544	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	4.092.401.544
6. Phải thu dài hạn khác	216		10.364.866.692	1.272.437.693
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		(22.500.000)	(22.500.000)
II. Tài sản cố định	220		1.433.352.907.120	1.432.502.030.190
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	1.409.875.616.353	1.408.839.135.742
<i>Nguyên giá</i>	222		2.990.508.763.572	2.979.265.124.259
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.580.633.147.219)	(1.570.425.988.517)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	23.477.290.767	23.662.894.448
<i>Nguyên giá</i>	228		33.683.481.590	33.683.481.590
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(10.206.190.823)	(10.020.587.142)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		76.507.931.326	72.590.808.031
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	76.507.931.326	72.590.808.031
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		33.551.413.009	33.789.547.388
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13	18.300.267.209	18.538.401.588
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	15.251.145.800	15.251.145.800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.15	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		48.321.307.037	58.850.552.424
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	45.629.844.996	50.545.801.356
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	5.613.289.027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		2.691.462.041	2.691.462.041
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.667.477.137.854	2.704.500.864.088

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (30/06/2016)	Số đầu năm (01/07/2015)
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		994.742.806.233	1.071.279.863.832
I. Nợ ngắn hạn	310		850.452.806.949	937.417.611.526
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		86.673.994.334	55.667.222.604
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		87.875.730.230	116.222.690.612
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18	14.322.229.975	7.865.896.928
4. Phải trả người lao động	314		8.328.530.781	9.820.517.627
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19	16.869.127.026	22.697.854.443
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	20.747.217.701	11.098.252.142
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	592.558.617.298	689.673.771.479
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.25	23.077.359.604	24.371.405.691
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		144.289.999.284	133.862.252.306
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			849.231.858
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		18.810.087.841	10.060.855.983
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	57.090.000.000	64.990.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.22	-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.23	-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		68.389.911.443	57.962.164.465

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm (30/06/2016)	Số đầu năm (01/07/2015)
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.672.734.331.621	1.633.221.000.256
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.628.738.627.212	1.589.240.195.847
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.24	700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		700.000.000.000	700.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	180.176.411.784	180.176.411.784
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414	V.24	-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.24	-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	V.24	-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.24	568.026.596.583	568.026.596.583
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		133.182.845	133.182.845
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		151.088.368.323	115.289.865.814
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		118.569.714.572	18.906.648.220
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		32.518.653.751	96.383.217.594
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		29.314.067.677	25.614.138.821
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		43.995.704.409	43.980.804.409
1. Nguồn kinh phí	431	V.26	3.924.235.593	3.909.335.593
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432	V.27	40.071.468.816	40.071.468.816
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.667.477.137.854	2.704.500.864.088

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

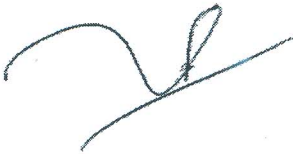
Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo))

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		1.993.286.581	1.993.286.581
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		1.160,45	1.160,45
Euro (EUR)		104,80	104,80

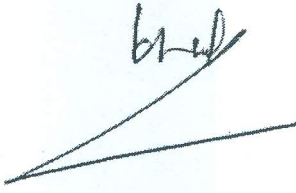
Lập ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Tổng giám đốc



Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017).

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý I - Niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	ĐVT: Đồng	
			Quý I (từ 01/07 - 30/09)	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	458.152.981.930	348.707.631.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	133.098.232	8.455.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	458.019.883.698	348.699.176.950
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	381.232.037.426	303.307.584.059
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		76.787.846.272	45.391.592.891
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	115.206.149	1.064.474.738
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	10.500.629.813	9.556.522.774
Trong đó: chi phí lãi vay	23		10.500.629.813	9.453.802.302
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	3.975.903.784	7.547.623.360
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	19.128.798.826	9.840.828.447
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		43.297.719.998	19.511.093.048
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5.677.222	20.776.572
12. Chi phí khác	32	VI.8	103.859.885	2.145.161.355
13. Lợi nhuận khác	40		(98.182.663)	(2.124.384.783)
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong Công ty liên kết	41		(160.749.374)	(357.105.492)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		43.038.787.961	17.029.602.773
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		6.093.291.461	3.174.667.803
17. Tài sản, thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.945.496.500	13.854.934.970
19. Lợi ích cổ đông thiểu số	70		4.426.842.749	(34.190.796)
20. Lợi ích của Công ty	80		32.518.653.751	13.889.125.766

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

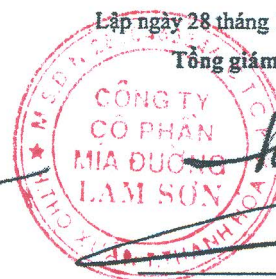
Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2016

Tổng giám đốc




Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I - Niên độ từ ngày 01/07/2016 đến 30/09/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		43.038.787.961	17.029.602.773
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.357.214.395	3.652.441.658
- Các khoản dự phòng	03		(184.841.000)	(225.425.394)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	-	
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		833.055.978	102.720.472
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	11.373.549.667	9.453.802.302
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		63.417.767.001	30.013.141.811
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(50.547.240.801)	(36.655.125.549)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		352.216.948.399	194.485.910.563
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(67.136.359.449)	(37.872.505.605)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.585.051.807)	(15.002.212.952)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(12.084.893.259)	(9.199.307.567)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.015.721.761)	(79.842.617)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	619.550.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(488.041.000)	(1.218.916.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		271.777.407.323	125.090.691.384
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(20.820.614.858)	(51.444.752.701)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.833.884.442)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		251.146.319	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	75.306.506	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(22.328.046.475)	(51.444.752.701)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.30	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		178.612.361.202	237.442.100.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(331.792.100.415)	(314.069.492.251)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(153.179.739.213)</i>	<i>(76.627.392.251)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		96.269.621.635	(2.981.453.568)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	44.371.716.087	31.413.136.915
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>140.641.337.722</u>	<u>28.431.683.347</u>

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2016

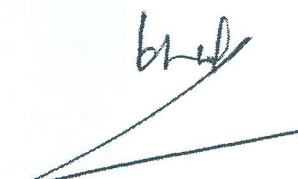
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Lê Huy Hùng



Lê Thị Huệ




Lê Văn Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO₂ (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

4. Công ty con

Đến thời điểm kết thúc niên độ tài chính được công bố ở đây Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn có 06 Công ty con. Tất cả các Công ty con đều được hợp nhất số liệu trong Báo cáo tài chính hợp nhất của niên độ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2016. Danh sách các Công ty con, địa chỉ, quyền kiểm soát và tỷ lệ lợi ích của Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn như sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Quyền kiểm soát (%)	Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ (%)
1. Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	Xã Xuân Phú, Thọ Xuân, Thanh Hóa	90,00	90,00
2. Công ty TNHH Lam Sơn- Sao Vàng	Thị trấn Sao Vàng, Thọ Xuân, Thanh Hóa	100,00	100,00
3. Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Lam Sơn - Bá Thước	Thị trấn Cành Nàng - Huyện Bá Thước - Tỉnh Thanh Hóa	100,00	100,00
4. Công ty Cổ phần Nông công nghiệp dịch vụ thương mại Vân Sơn	Xã Vân Sơn - Huyện Triệu Sơn - Tỉnh Thanh Hóa	100,00	100,00
5. Công ty CP mía đường Nông Cống	Xã Thăng Long - Huyện Nông Cống - Tỉnh Thanh Hóa	56,61	56,61
6. Công ty TNHH 1TV Thành An - Lam Sơn	Thôn Làng May, Thọ Xương, Thọ Xuân, Thanh Hóa.	100	100

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 466NQ/2015/ĐLS - ĐHĐCĐ ngày 03/08/2015 quyết nghị Chuyển đổi năm tài chính từ năm dương lịch (từ 01/01 - 31/12 hằng năm) sang áp dụng năm tài chính từ ngày 01/07 năm nay đến 30/06 năm sau. Kỳ kế toán bắt đầu áp dụng lần đầu là từ 01/07/2015 đến 30/06/2016.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP - Oracle E-Business Suite).

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty mẹ và Báo cáo tài chính của tất cả các công ty con do công ty mẹ kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

1.1 Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Bảng cân đối kế toán của công ty mẹ và các công ty con theo từng khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

- Đối với các khoản mục của Bảng cân đối kế toán không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của của Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất gồm:
 - + Các khoản đầu tư của công ty mẹ vào các công ty con;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
 - + Các khoản phải thu, phải trả nội bộ giữa các đơn vị trong cùng tập đoàn;
 - + Các khoản lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Các khoản vốn góp liên doanh, liên kết điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

1.2 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty mẹ và của các công ty con trong tập đoàn theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.
- Đối với những khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm:
 - + Doanh thu, giá vốn hàng bán, lãi, lỗ nội bộ tập đoàn;
 - + Lãi, lỗ nội bộ chưa thực sự phát sinh;
 - + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
 - + Thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty mẹ và các công ty con.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

9. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Tiền thuê đất, thuê kho trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 15% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động sản xuất và chế biến mía đường. Các sản phẩm còn lại áp dụng thuế suất 20% từ 01/01/2016.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính hợp nhất và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.936.798.472	1.386.043.986
Tiền gửi ngân hàng	113.536.294.250	30.442.338.801
Tiền đang chuyển		
Các khoản tương đương tiền	22.168.245.000	12.543.333.300
Cộng	<u>140.641.337.722</u>	<u>44.371.716.087</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chứng khoán kinh doanh		-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	3.084.333.333	3.000.000.000
Cộng	<u>3.084.333.333</u>	<u>3.000.000.000</u>

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	-	-

4. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền cho vay, lãi dự thu		-
Phải thu CBCNV (BHXH, Thuế TNCN)	563.841.255	276.395.020
Phải thu Công ty CP Rượu Việt Nam - Thụy Điển	8.504.060.306	8.504.060.306
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.754.063.898	11.552.641.754
Các khoản phải thu khác	47.357.386.953	34.117.998.490
Cộng	<u>66.179.352.412</u>	<u>56.451.095.570</u>

5. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường		-
Nguyên liệu, vật liệu	95.024.663.323	99.885.187.662
Công cụ, dụng cụ	1.288.355.065	1.513.774.196
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	28.300.485.157	25.308.956.251
Thành phẩm	234.024.968.203	508.286.041.371
Hàng hóa	3.255.029.174	75.864.957.503
Hàng gửi bán	88.888.334	149.062.948
Cộng	<u>361.982.389.256</u>	<u>711.007.979.932</u>

6. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.764.380.810)	(2.764.380.810)
Cộng	(2.764.380.810)	(2.764.380.810)
Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:		
Số đầu năm		(2.764.380.810)
Trích lập dự phòng bổ sung/Tăng khác		-
Hoàn nhập dự phòng		-
Số cuối kỳ		(2.764.380.810)
7. Chi phí trả trước ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	15.390.001.791	1.380.858.350
Cộng	15.390.001.791	1.380.858.350
8. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	967.011.679	2.134.896.128
Cộng	967.011.679	2.134.896.128
9. Tài sản ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	-	-
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
Tài sản ngắn hạn khác	3.210.000	-
Cộng	3.210.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm tại ngày 01/07/2016	688.704.588.853	2.184.597.967.734	81.025.611.266	24.403.566.406	533.390.000	2.979.265.124.259
Tăng trong năm						
<i>Mua sắm mới</i>		876.500.000	1.011.454.545			1.887.954.545
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>						
<i>Tăng khác</i>	6.277.102.236	1.177.417.121		855.027.546	1.046.137.865	9.355.684.768
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
<i>Chuyển thành CCDC</i>						
<i>Giảm khác</i>						
Số cuối kỳ tại ngày 30/09/2016	694.981.691.089	2.186.651.884.855	82.037.065.811	25.258.593.952	1.579.527.865	2.990.508.763.572
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm tại ngày 01/07/2016	281.478.668.050	1.197.851.261.744	68.458.002.702	22.413.289.208	224.766.813	1.570.425.988.517
Tăng trong năm						
<i>Khấu hao trong năm</i>	3.789.286.449	3.120.130.182	1.144.483.972	105.117.760	12.592.350	8.171.610.713
<i>Tăng khác</i>	1.946.888.594	39.385.712		35.325.179	13.948.504	2.035.547.989
Giảm trong năm						
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>						
<i>Giảm khác</i>						
Số cuối kỳ tại ngày 30/09/2016	287.214.843.093	1.201.010.777.638	69.602.486.674	22.553.732.147	251.307.667	1.580.633.147.219
Giá trị còn lại						
Số đầu năm tại ngày 01/07/2016	407.225.920.803	986.746.705.990	12.567.608.564	1.990.277.198	308.623.187	1.408.839.135.742
Số cuối kỳ tại ngày 30/09/2016	407.766.847.996	985.641.117.383	12.434.579.137	2.704.861.805	1.328.220.198	1.409.875.616.353

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm 01/07/2016	23.595.861.172	10.087.620.418	33.683.481.590
Tăng do mua sắm mới			
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 30/09/2016	23.595.861.172	10.087.620.418	33.683.481.590
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm 01/07/2015	613.923.043	9.406.664.099	10.020.587.142
Khấu hao trong năm	49.015.365	136.588.316	185.603.681
Tăng khác			
Thanh lý, nhượng bán			
Giảm khác			
Số cuối kỳ 30/06/2016	662.938.408	9.543.252.415	10.206.190.823
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	22.981.938.129	680.956.319	23.662.894.448
Số cuối kỳ	22.932.922.764	544.368.003	23.477.290.767

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang		
Dự án khu VP làm việc	21.084.077.986	21.084.077.986
Dự án khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	36.416.873.242	37.958.246.150
Các công trình khác	19.006.980.098	13.548.483.985
Mua sắm TSCĐ		
Mua sắm TSCĐ		
Cộng	76.507.931.326	72.590.808.031

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại ngày 30/09/2016
		Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ phần biểu quyết năm giữ %	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hoá	25A Quang Trung-TP Thanh Hóa	46,31%	46,31%	10.533.790.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điện	KCN Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội	38,39%	38,39%	21.500.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên công ty liên kết, liên doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đầu tư tại ngày 30/09/2016
		Tỷ lệ vốn góp %	Tỷ lệ phần biểu quyết nắm giữ %	
Công ty CP ĐT PT Lam Sơn - Như Xuân	Như Xuân - Thanh Hóa	32,00%	32,00%	15.000.000.000
Cộng				47.033.790.000

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư dài hạn khác - góp vốn cổ phần	15.251.145.800	15.251.145.800
<i>Công ty Cổ phần đầu tư TM Lam Sơn</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>10.000.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần thương mại Lam Hà</i>	<i>2.276.500.000</i>	<i>2.276.500.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Bảo hiểm Viễn Đông</i>	-	-
<i>Tổng công ty mía đường I - Công ty CP</i>	<i>2.974.645.800</i>	<i>2.974.645.800</i>
<i>Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Tiger Fund</i>	-	-
Cộng	15.251.145.800	15.251.145.800

15. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng cho đầu tư dài hạn	-	-

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	893.571.885	893.571.885
Chi phí thuê đất	20.383.824.832	28.634.749.983
Chi phí cày đất trồng mía	308.324.412	362.460.380
Chi phí khác	18.322.391.618	10.006.012.166
Chi phí quy hoạch của CNC	5.590.536.972	10.517.811.665
TSCĐ chuyên CCDC chờ phân bổ	131.195.277	131.195.277
Cộng	45.629.844.996	50.545.801.356

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	561.243.617.298	648.913.771.479
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	980.000.000	980.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	30.335.000.000	39.780.000.000
Cộng	592.558.617.298	689.673.771.479

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Số phải nộp	14.322.229.975	6.670.209.449
Cộng	<u>14.322.229.975</u>	<u>6.670.209.449</u>

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng:

Đường, mật ri	5%
Cồn, dịch vụ cho thuê kho bãi, khách sạn, ăn uống	10%

Thuế xuất. nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	692.260.073	2.060.655.047
Cước vận chuyển	-	36.869.729
Chi phí khuyến mại	-	2.878.975.000
Chi phí thu mua mía và các chi phí liên quan	4.777.272.823	14.946.457.823
Các khoản khác	11.399.594.130	2.774.896.844
Cộng	<u>16.869.127.026</u>	<u>22.697.854.443</u>

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	1.560.869.090	1.418.591.978
Kinh phí công đoàn	1.218.813.841	1.715.851.074
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	1.166.825.217
Các khoản phải trả khác	17.967.534.770	6.796.983.873
Cộng	<u>20.747.217.701</u>	<u>11.012.151.258</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	56.129.342.500	64.029.342.500
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	960.657.500	960.657.500
Trái phiếu chuyển đổi	-	-
Cộng	<u>57.090.000.000</u>	<u>64.990.000.000</u>

22.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

23. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Số đầu năm	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	-
Khoản hoàn nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các năm trước	-
Số cuối kỳ	-

24. Dự phòng phải trả dài hạn

Số đầu năm	-
Số trích lập trong kỳ	-
Số chi trong kỳ	-
Giảm khác	-
Số cuối kỳ	-

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

25. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH (*)	Lợi nhuận sau thuế chưa PP
Số đầu năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	580.895.153.393	-	133.182.845	16.287.017.797
Lợi nhuận năm trước								98.383.217.594
Tăng (giảm) do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con					(1.120.718.772)			1.141.142.729
Trích lập các quỹ trong năm trước					1.746.774.021			(4.055.028.261)
Chia cổ tức năm trước								(10.500.000.000)
Chi thưởng								
Lợi ích cổ đông thiểu số								
Các khoản khác					(13.494.621.059)			14.033.515.955
Số dư cuối năm trước	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	568.026.596.583	-	133.182.845	115.289.865.814
Số dư đầu năm nay	700.000.000.000	180.176.411.784	-	-	568.026.596.583	-	133.182.845	115.289.865.814
Cổ đông góp vốn								
<i>Trong đó: - bằng tiền</i>								
<i>- cổ tức</i>								
Lợi nhuận trong kỳ								32.518.653.751
Lợi nhuận các năm trước								
Trích lập các quỹ								
Chia cổ tức năm nay								
Lợi ích CĐ thiểu số								
Các khoản khác								
Số dư cuối kỳ này	700.000.000.000	180.176.411.784			568.026.596.583		133.182.845	151.088.368.323

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý III kết thúc ngày 30/06/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2015 đến 30/06/2016)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	700.000.000.000	700.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	180.176.411.784	180.176.411.784
Vốn khác của Chủ sở hữu	-	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Cộng	<u>880.176.411.784</u>	<u>880.176.411.784</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	70.000.000	70.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	70.000.000	70.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh và đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ phát triển khoa học công nghệ được trích lập dùng để đầu tư cho phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ tại doanh nghiệp.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Quỹ khen thưởng	20.576.363.404	20.576.363.404
Quỹ phúc lợi	2.500.996.200	3.795.042.287
Quỹ phúc lợi HT TSCĐ	-	-
Cộng	<u>23.077.359.604</u>	<u>24.371.405.691</u>

27. Nguồn kinh phí

Số đầu năm	3.909.335.593
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	-
Chi trong kỳ	-
Giảm khác	(14.900.000)
Số cuối kỳ	<u>3.924.235.593</u>

28. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Số đầu năm	40.071.468.816
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	
TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí	

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Khấu hao trong năm	
Số cuối kỳ	40.071.468.816
29. Nợ khó đòi đã xử lý	
Số đầu năm	1.993.286.581
Nợ khó đòi đã xử lý trong năm	-
Tăng khác	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong năm	-
Số cuối kỳ	1.993.286.581

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng**

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	458.152.981.930	348.707.631.950
<i>Doanh thu bán hàng</i>	<i>421.884.648.352</i>	<i>338.066.665.866</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>226.281.818</i>	<i>1.026.926.740</i>
<i>Doanh thu khác</i>	<i>36.042.051.760</i>	<i>9.614.039.344</i>
Các khoản giảm trừ doanh thu:	133.098.232	(8.455.000)
Doanh thu thuần	458.019.883.698	348.699.176.950

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng bán	357.839.852.697	293.548.180.122
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	226.281.818	924.111.885
Giá vốn khác	23.165.902.911	8.835.292.052
Cộng	381.232.037.426	303.307.584.059

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.206.149	1.063.874.738
Lãi bán hàng trả chậm		600.000
Cộng	115.206.149	1.064.474.738

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**4. Chi phí tài chính**

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	8.824.734.948	9.453.802.302
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	102.720.472
Các khoản khác	1.675.894.865	-
Cộng	10.500.629.813	9.556.522.774

5. Chi phí bán hàng

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.320.258.096	1.679.570.692
Chi phí vật liệu, bao bì	16.504.856	28.962.637
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	129.732.200	45.131.178
Chi phí khấu hao TSCĐ	385.566.830	378.635.010
Chi phí dịch vụ mua ngoài	334.139.672	4.783.635.300
Chi phí bằng tiền khác	1.789.702.130	631.688.243
Cộng	3.975.903.784	7.547.623.360

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	4.671.824.675	3.322.767.639
Chi phí vật liệu quản lý	28.561.210	101.934.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	136.665.192	110.165.455
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.473.901.090	1.550.161.126
Thuế, phí và lệ phí	169.227.225	1.010.183.969
Chi phí trợ cấp, dự phòng	147.580.000	546.380.375
Chi phí dịch vụ mua ngoài	794.002.057	1.517.542.413
Quỹ KHCN	3.643.230.243	-
Chi phí bằng tiền khác	8.063.807.134	1.681.693.469
Cộng	19.128.798.826	9.840.828.447

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**7. Thu nhập khác**

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, bán vật tư, phế liệu		
Tiền phạt vi phạm hợp đồng		900.000
Các khoản khác	5.677.222	19.876.572
Cộng	5.677.222	20.776.572

8. Chi phí khác

	Giai đoạn từ 01/07 đến 30/09	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhượng bán thanh lý TSCĐ, bán vật tư, phế liệu		
Phạt do vi phạm hợp đồng	7.500.000	387.600.000
Thuế phạt, truy thu		663.705.604
Chi phí khấu hao TSCĐ tạm dừng sản xuất		940.488.342
Các khoản khác	96.359.885	153.367.409
Cộng	103.859.885	2.145.161.355

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

VII. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Tại ngày 30/09/2016 và 30/06/2016, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	2.921.603.000	2.921.603.000
Trả trước cho người bán			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	882.000.000	882.000.000
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết		-
Phải trả người bán			
Công ty CP ĐTPT Lam Sơn - Như Xuân	Công ty liên kết	15.290.091.500	10.705.957.070
Phải thu khác			
Công ty CP rượu Việt Nam - Thụy Điển	Công ty liên kết	8.504.060.306	8.504.060.306

VIII. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất đường và các sản phẩm từ đường. Giai đoạn từ 01/07/2016 đến 30/09/2016, doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi là chiếm tỷ trọng 95% tổng doanh thu bán hàng hợp nhất; doanh thu khác chiếm tỷ trọng 5%. Doanh thu từ sản phẩm đường và sản phẩm thu hồi chiếm tỷ trọng chủ yếu. Do đó Công ty không thuyết minh Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính.

Theo khu vực địa lý:

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam do vậy Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

IX. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/07/2016 - 30/09/2016	Từ 01/07/2015 - 30/09/2015
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	32.518.653.751	13.889.125.766
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	32.518.653.751	13.889.125.766
Số lượng cổ phiếu phát hành	70.000.000	70.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	70.000.000	70.000.000
Lãi trên cổ phiếu	464	198

X. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT THỰC TRẠNG TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

Chỉ tiêu	ĐV	Tại ngày 30/09/2016	Tại ngày 30/06/2016
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/ Tổng số tài sản	%	39,56	40,62
Tài sản dài hạn/ Tổng số tài sản	%	60,44	59,38
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	37,29	39,37
Nguồn vốn chủ sở hữu/ Tổng nguồn vốn	%	61,61	59,69
Lợi ích cổ đông thiểu số/ Tổng nguồn vốn	%	1,1	0,94
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	2,68	2,54
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,24	1,18
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,17	0,05
Chỉ tiêu	ĐV	Từ 01/07- 30/09/2016	Từ 01/07- 30/09/2015
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	9,4	4,88
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	8,07	3,97
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	1,64	0,72
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	1,41	0,58
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của Công ty trên Vốn chủ sở hữu	%	2,01	0,93

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

XI. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

Tài sản tài chính	Giá trị sổ sách kế toán			
	Tại ngày 30/09/2016		Tại ngày 01/07/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và tương đương tiền	140.641.337.722		44.371.482.108	
Phải thu khách hàng, phải thu khác	212.931.306.078	(16.734.924.705)	161.105.018.832	(16.919.765.705)
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn	15.490.700.000		15.490.700.000	
	369.063.343.800	(16.734.924.705)	220.967.434.919	(16.919.765.705)

Nợ phải trả tài chính	Giá trị sổ sách kế toán	
	30/09/2016	01/07/2016
Vay và nợ	649.648.617.298	754.663.771.479
Phải trả người bán, phải trả khác	107.421.212.035	66.765.474.746
Chi phí phải trả	16.869.127.026	22.697.854.443
	773.938.956.359	844.127.100.668

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của các cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài nên Công ty chưa có kế hoạch bán thanh lý hay thoái vốn các khoản đầu tư.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khách với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi công ty có phát sinh các khoản tiền

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2016				
Tiền và tương đương tiền	140.641.337.722			140.641.337.722
Phải thu khách hàng, phải thu khác	202.566.439.386	10.364.866.692		212.931.306.078
Các khoản cho vay	66.179.352.412			66.179.352.412
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	409.387.129.520	25.855.566.692		435.242.696.212
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và tương đương tiền	44.371.482.108			44.371.482.108
Phải thu khách hàng, phải thu khác	159.832.581.139	1.272.437.693		161.105.018.832
Các khoản cho vay				
Đầu tư ngắn hạn				
Đầu tư dài hạn		15.490.700.000		15.490.700.000
	204.204.297.226	16.763.137.693		220.967.434.919

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/09/2016				
Vay và nợ	592.558.617.298	57.090.000.000		649.648.617.298
Phải trả người bán, phải trả khác	107.421.212.035			107.421.212.035
Chi phí phải trả	16.869.127.026			16.869.127.026
	716.848.956.359	57.090.000.000		773.938.956.359
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	689.673.771.479	64.990.000.000		754.663.771.479

CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017)

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Phải trả người bán, phải trả khác	66.765.474.746			66.765.474.746
Chi phí phải trả	22.697.854.443			22.697.854.443
	779.137.100.668	66.150.657.500		844.127.100.668

Tính đến thời điểm 30/09/2016, mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty hoàn toàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

XII. GIẢI TRÌNH BIẾN ĐỘNG LỢI NHUẬN SO VỚI CÙNG KỲ


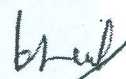

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất Quý I kết thúc ngày 30/09/2016 (Niên độ tài chính từ ngày 01/07/2016 đến 30/06/2017) đạt 36.945.496.500 đồng, trong đó Lợi ích của Công ty là 32.518.653.751 đồng tăng 18,269 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2015/2016 (giai đoạn từ 01/07-30/09/2016), tương đương tăng 134% so với cùng kỳ 2015/2016 là do các nguyên nhân sau:

- Doanh thu thuần về bán hàng & CCDV tăng 109,445 triệu đồng tương đương tăng 31,38% so với cùng kỳ năm 2015/2016. Nguyên nhân là do sản lượng tiêu thụ và giá bán các sản phẩm đường trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm 2015/2016.

Trong khi đó, chi phí giá vốn tăng 77,924 tỷ đồng, tương đương tăng 25,69%. Đây là nguyên nhân tăng lợi nhuận gộp về bán hàng gần 70% so với cùng kỳ.

- Bên cạnh đó, các chi phí hoạt động như chi phí bán hàng, chi phí quản lý đã được công ty tiết giảm đến mức tối đa.

Lập ngày 28 tháng 10 năm 2016

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng giám đốc
		
Lê Huy Hùng	Lê Thị Huệ	Lê Văn Phương

